

Số: 66 /NQ-HĐQT

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 9 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre hiện hành;

Căn cứ Biên bản họp số 44/BB-HĐQT ngày 22/9/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các nội dung:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II/2025 và nhiệm vụ kế hoạch Quý III/2025.

2. Báo cáo tài chính Quý II/2025 và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ về báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

3. Tờ trình về việc đề nghị bổ sung kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025.

- Kinh phí bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản là 4.410.000.000 đồng.
Tổng kinh phí kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 sau khi bổ sung là 99.277.000.000 đồng.

- Kinh phí bổ sung kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư là 2.186.456.074 đồng.
Tổng kinh phí kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư năm 2025 sau khi bổ sung là 43.445.514.374 đồng.

4. Việc thực hiện các thủ tục cử lại người đại diện vốn nhà nước; đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030.

Ban điều hành, Thư ký HĐQT, các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc Công ty triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi được sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc cử lại người đại diện vốn nhà nước sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục đề cử, ứng cử thành viên tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030. Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông bất thường dự kiến sẽ tổ chức vào cuối năm 2025, thời gian cụ thể sẽ tiếp tục xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, thư ký HĐQT, các trưởng phó đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX;
- Website Công ty;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TKHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hùng

Số: 885 /TTr-CTN

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 9 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị bổ sung Kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua Kế hoạch mua sắm tài sản vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025;

Căn cứ Bản đề nghị về việc bổ sung kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 của Phòng Kế hoạch – Tổng hợp và Phòng Kỹ thuật;

Tổng Giám đốc kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số công trình xây dựng cơ bản và danh mục tài sản vật tư cần thực hiện đầu tư và mua sắm gấp trong năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Về đầu tư xây dựng cơ bản:

1.1 Các hạng mục công trình bổ sung mới:

Tổng kinh phí đầu tư các công trình bổ sung mới vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 là 4,41 tỷ. Cụ thể như sau:

- Khu vực thành phố Bến Tre: bổ sung 2 công trình (II.A.6, II.A.7), kinh phí 0,61 tỷ đồng.

- Khu vực huyện Giồng Trôm: bổ sung 2 công trình (III.B.6, III.B.7), kinh phí 2,7 tỷ đồng.

- Khu vực huyện Châu Thành: bổ sung 1 công trình (III.E.5.), tổng kinh phí 0,1 tỷ đồng.

(kèm theo danh mục chi tiết các công trình bổ sung tại Phụ lục 1)

1.2 Kinh phí kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung:

- Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025: 94.867.000.000 đồng.

- Kinh phí các công trình điều chỉnh, bổ sung: 4.410.000.000 đồng.

- Kinh phí kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung: **99.277.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

2. Về mua sắm tài sản, vật tư:

- Căn cứ nhu cầu thực tế của các đơn vị, kinh phí mua sắm tài sản, vật tư phát sinh ngoài kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư năm 2025 của các đơn vị trực thuộc: là 2.186.456.074 đồng (kèm theo danh mục chi tiết tài sản, vật tư bổ sung tại Phụ lục 2).

- Kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư năm 2025: 41.259.058.300 đồng.

- Tổng kinh phí kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư năm 2025 sau khi được điều chỉnh, bổ sung là: **43.445.514.374 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm mười bốn ngàn, ba trăm bảy mươi bốn đồng).

Kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt bổ sung các công trình và vật tư, tài sản trên vào Kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm.

Trân trọng kính trình./. *ju*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký HĐQT (trình HĐQT);
- Lưu: TC-HC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Bình



Phụ lục 1: Kế hoạch Đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2025 (bổ sung)

	Công trình	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Công trình: Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2025	0,6
2	Công trình: Cải tạo MLCN xã phường Vĩnh Long 2025	1,5
3	Công trình: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt NMN Sơn Đông	0,11
4	Công trình: Lắp đặt cửa phai trên đập Tam Dương	0,1
5	Công trình: Lắp đặt máy bơm trạm bơm tăng áp Chệt Sậy năm 2025	2,1
Tổng cộng:		4,41

(Bằng chữ: Bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi một triệu đồng).

**Phụ lục 2: Kế hoạch mua sắm vật tư, tài sản năm 2025 (bổ sung)**

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
1	Xúc hàn két nước máy phát điện NMN Sơn Đông	Lượt	1	40.000.000	40.000.000	NMN Sơn Đông
2	Sửa biến tần 132kW NMN An Hiệp	Gói	1	32.000.000	32.000.000	NMN An Hiệp
3	Mua dây điện đầu nối máy phát điện NMN Lương Quới	mét	100	634.500	63.450.000	NMN Lương Quới
4	Thuê máy phát điện 3 tháng cho NMN Lương Quới	Quý	1	100.000.000	100.000.000	NMN Lương Quới
5	Mua bơm ly tâm trục ngang 18,5kW cho NMN Lương Quới	Bộ	1	74.000.000	74.000.000	NMN Lương Quới
6	Vận chuyển nước thô sả lan 2025 Chợ Lách	m3	4800	20.000	96.000.000	CNCN Chợ Lách
7	Mua 2 bơm 3HP NMN Lương Quới	Cái	2	7.000.000	14.000.000	NMN Lương Quới
8	Thay bo mạch Logger (2GT - 1PT)p	Bộ	3	12.000.000	36.000.000	Chi nhánh CN Giồng Trôm và Phú Tân
9	Bồn nhựa 5000 lít chống hạn mặn Giồng Trôm	Cái	8	8.500.000	68.000.000	Chi nhánh CN Giồng Trôm
10	Bồn nhựa 5000 lít chống hạn mặn Giồng Trôm	Cái	6	8.500.000	51.000.000	Chi nhánh CN Giồng Trôm
11	Sửa turbo máy phát điện Sơn Đông	Lần	1	47.400.000	47.400.000	NMN Sơn Đông
12	Sửa bơm 22 kW Lương Quới	Cái	1	21.000.000	21.000.000	NMN Lương Quới
13	Vận chuyển nước Mỏ Cày	Tháng	1	48.250.000	48.250.000	Chi nhánh CN Mỏ Cày
14	Khởi động mềm bơm gió 45kW Sơn Đông	Cái	1	70.000.000	70.000.000	NMN Sơn Đông
15	Đồng hồ DN100mm điện từ (nguồn pin) - Siemens	Bộ	1	71.720.000	71.720.000	Dự phòng
16	Đồng hồ DN150 điện từ (nguồn pin)-Siemens	Bộ	1	79.067.000	79.067.000	Chi nhánh Phú Tân
17	Đồng hồ DN100 điện từ (nguồn pin)-Aigner	Bộ	1	71.000.000	71.000.000	Chi nhánh Phú Tân
18	Đồng hồ DN50mm điện từ (nguồn pin, Modbus) -	Bộ	1	70.070.000	70.070.000	Đội QLM&SC

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
	Siemens					(cù lao Long Thành và Hưng Phong)
19	Cút PP D25x27 RN	Cái	50	52.000	2.600.000	Phục vụ sửa chữa MLCN
20	Đồng hồ nước D20 ly - cấp 2, đã kiểm định	Cái	5	1.164.000	5.820.000	“
21	Ống uPVC D27 x 1,9 x 4	Mét	4.401	12.152	53.480.952	“
22	Van bi đồng D27	Cái	6	102.000	612.000	“
23	Ống uPVC D42x2,2x4	Mét	80	23.863	1.909.040	“
24	Ống uPVC D60x2,5x4	Mét	1.603	37.046	59.384.738	“
25	Nối uPVC D27	Cái	3.000	3.136	9.408.000	“
26	Nối uPVC D27 RT	Cái	640	3.400	2.176.000	“
27	Tê uPVC D60	Cái	161	34.398	5.538.078	“
28	Nối uPVC D60	Cái	1.000	16.954	16.954.000	“
29	Nối uPVC D60 RN	Cái	302	13.300	4.016.600	“
30	Nối uPVC D60 RT	Cái	200	16.400	3.280.000	“
31	Nối PP D25	Cái	1.400	62.000	86.800.000	“
32	Nối PP D32	Cái	60	86.000	5.160.000	“
33	Nối PP D32x34 RN	Cái	70	50.000	3.500.000	“
34	Nối PP D25x27 RT	Cái	250	45.000	11.250.000	“
35	Tê PP D25	Cái	420	113.000	47.460.000	“
36	Canh inox D60x27	Cái	50	120.000	6.000.000	“
37	Đầu răng inox D27	Cái	51	30.000	1.530.000	“
38	Đầu răng inox D60	Cái	31	120.000	3.720.000	“
39	Ống uPVC D114 x 5 x 6 (J)	mét	148	143.772	21.278.256	“
40	Ống uPVC D21x1,7x4	mét	200	8.624	1.724.800	“
41	Ống uPVC D34x2,1x4	mét	210	17.052	3.580.920	“
42	Ống uPVC D90 x 3 x 4	mét	100	68.208	6.820.800	“
43	Van uPVC D60	cái	155	98.000	15.190.000	“
44	Racco uPVC D60	Cái	50	59.000	2.950.000	“
45	Ống HDPE D180x10,7x6	mét	120	379.358	45.522.960	“
46	Ống HDPE D160 x 9,5 x 6	mét	220	300.880	66.193.600	“
47	Van thau 1 chiều D60	cái	15	700.000	10.500.000	“
48	Van thau D49	cái	10	485.000	4.850.000	“
49	Tê giảm PP D32x25		50	176.000	8.800.000	“
50	Manchon gang DN150 (nối OD 160 ngàm HDPE)	cái	10	2.200.000	22.000.000	“
51	Cát lọc Chợ Lách	tấn	7	1.850.000	12.950.000	“

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
52	Cát lọc NMN Sơn Đông	tấn	15	1.850.000	27.750.000	“
53	Van gang D63 EE	cái	30	1.050.000	31.500.000	“
54	Côn gang DN150x100 BB	cái	2	1.268.000	2.536.000	“
55	Tê gang D150x150x150 - FFB (nối OD160)	cái	2	3.023.000	6.046.000	“
56	Tê gang DN150x150x150 - BBB	cái	4	3.023.000	12.092.000	“
57	Cút gang DN150x45 độ	cái	1	1.857.000	1.857.000	“
58	Van bướm gang DN150	cái	1	3.083.000	3.083.000	“
59	Van công gang DN100-BB	cái	7	2.787.000	19.509.000	“
60	Van công gang DN150-BB	cái	4	4.935.000	19.740.000	“
61	Van bướm gang DN250	cái	1	6.993.000	6.993.000	“
62	Van giảm áp DN 100 (cầu Mỹ Thạnh)	cái	1	66.795.000	66.795.000	“
63	Manchon gang DN80 (nối OD90)	cái	4	889.000	3.556.000	“
64	Cô dê gang DN400x60 (nối OD429)	cái	1	2.821.000	2.821.000	“
65	Tê gang DN150x150x100 - FFB (nối OD168)	cái	2	2.908.000	5.816.000	“
66	Tê gang DN100x100x100 - BBB	cái	1	1.542.000	1.542.000	“
67	Bu gang DN150 - BF (Nối OD168)	cái	2	1.454.000	2.908.000	“
68	Thiết bị cảm biến (kinh doanh)	cái	19	1.844.600	35.047.400	“
69	Manchon gang DN300 (nối OD326 x 335)	cái	3	6.637.800	19.913.400	“
70	Máy bơm Clo	cái	1	23.500.000	23.500.000	NMN An Hiệp
71	Phần mềm dự toán F1(CN Giồng Trôm)	Bộ	1	4.200.000	4.200.000	Mua sắm thiết bị văn phòng theo yêu cầu các đơn vị trực thuộc
72	Lắp đèn pha năng lượng 300w cho NMN Sơn Đông - An Hiệp	Bộ	2	2.700.000	5.400.000	“
73	Lắp đèn pha điện 300w cho NMN Sơn Đông - An Hiệp	Bộ	4	4.300.000	17.200.000	“
74	Lắp đèn pha điện 300w cho	Bộ	3	4.300.000	12.900.000	“

STT	Tên vật tư, công tác	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn vị sử dụng
	CN Phú Tân					
75	Lắp đèn pha 30w cho CN Phú Tân	Bộ	3	800.000	2.400.000	“
76	Mua webcam Asus (Đội QLMạng&SC,CN Mỏ Cày)	Cái	2	880.000	1.760.000	“
77	Lắp camera đập tạm Thành Triệu	Bộ	1	5.032.500	5.032.500	“
78	Thay máy lạnh kho lâu 1 Phòng kế toán + Hội trường Công ty	Bộ	2	23.790.000	47.580.000	“
79	Thay máy lạnh Phòng Phó TGD Phan Thanh Bình	Bộ	1	15.740.000	15.740.000	“
80	Thay pin laptop (Kế toán trưởng)	Bộ	1	950.000	950.000	“
81	Tủ đựng hồ sơ của Hội đồng Quản trị	Cái	1	6.786.000	6.786.000	“
82	Tháo dỡ thay thế bồn cầu khu vệ sinh Văn phòng cty	Cái	7	3.167.441	22.172.087	“
83	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	Cái	7	166.849	1.167.943	“
84	Trang bị kệ để hồ sơ cho Phòng kỹ thuật		1	15.495.000	15.495.000	“
85	Sửa Bảng hiệu tại Văn phòng và các chi nhánh	lần	1	23.430.000	23.430.000	“
86	Thay máy lạnh (phòng Tổng Giám đốc)	cái	1	23.790.000	23.790.000	“
87	Thay máy lạnh cho tủ điều khiển Cụm XI 5000m3	cái	2	29.590.000	59.180.000	“
88	Quạt hút điều khiển hướng gió cho CN Phú Tân	bộ	1	14.850.000	14.850.000	“
89	Tủ lạnh Toshiba inverter 336 lit cho CN Giồng Trôm	cái	1	7.500.000	7.500.000	“
Tổng cộng:					2.186.456.074	

(Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, không trăm bảy mươi bốn đồng).